

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 8 năm 2024

HỢP ĐỒNG
Số: 452/2024/HĐ-LDA

Về việc Sửa chữa chén nung bạch kim phục vụ phân tích mẫu

Giữa

Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV

Và

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Minh Khang

Attnay

MỤC LỤC

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG.....	4
1. Định nghĩa.....	4
2. Tài liệu Hợp đồng và thứ tự ưu tiên.....	4
3. Luật và ngôn ngữ.....	4
4. Thông báo.....	5
5. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng.....	5
6. Ký Hợp đồng thầu phụ.....	5
7. Phạm vi cung cấp.....	5
8. Tiền độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn.....	5
9. Trách nhiệm của Bên B.....	6
10. Loại Hợp đồng và giá Hợp đồng.....	6
11. Điều chỉnh thuế.....	6
12. Tạm ứng.....	6
13. Thanh toán.....	6
14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan Hợp đồng.....	6
15. Phạt và bồi thường thiệt hại.....	7
16. Bất khả kháng.....	7
17. Sửa đổi Hợp đồng.....	8
18. Điều chỉnh tiền độ thực hiện Hợp đồng.....	8
19. Chấm dứt Hợp đồng.....	9
20. Phát hiện và khắc phục sai sót.....	10
21. Nhân sự.....	10
22. Giải quyết tranh chấp.....	10
ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG.....	12
ĐKC 1.1.....	12
ĐKC 1.3.....	12
ĐKC 1.10.....	12
ĐKC 2.2 (i).....	12
ĐKC 4.1.....	12
ĐKC 5.1.....	12
ĐKC 5.2.....	12
ĐKC 5.3.....	13
ĐKC 5.4.....	13
ĐKC 6.1.....	13
ĐKC 6.2.....	13

ĐKC 6.4.....	13
ĐKC 10.1.....	13
ĐKC 10.2.....	13
ĐKC 11.....	13
ĐKC 12.1.....	14
ĐKC 13.1.....	14
ĐKC 13.2.....	14
ĐKC 15.....	15
ĐKC 17.1(c).....	15
ĐKC 17.4.....	15
ĐKC 18 (e).....	15
ĐKC 20.1.....	15
ĐKC 21.2.....	15
ĐKC 22.2.....	15
HỢP ĐỒNG.....	16
Điều 1. Đối tượng Hợp đồng và yêu cầu kỹ thuật.....	16
Điều 2. Thành phần Hợp đồng.....	17
Điều 3. Trách nhiệm của Bên A.....	17
Điều 4. Trách nhiệm của Bên B.....	18
Điều 5. Giá Hợp đồng và phương thức thanh toán.....	19
Điều 6. Loại Hợp đồng.....	20
Điều 7. Thời gian thực hiện Hợp đồng.....	20
Điều 8. Bảo hành sau sửa chữa.....	20
Điều 9. Tạm ngừng thực hiện Hợp đồng.....	21
Điều 10. Hiệu lực Hợp đồng.....	21
PHỤ BIẾU - NỘI DUNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG	
	22

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none">1.1. "Bên A" là Bên mời thầu được quy định tại E-ĐKCT;1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả Phụ lục và tài liệu kèm theo;1.3. "Bên B" là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;1.4. "Nhà thầu phụ" là nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do Bên B đề xuất trong E-HSDT và được Bên B ký Hợp đồng để thực hiện một phần công việc của gói thầu;1.5. "Tài liệu Hợp đồng" nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;1.6. "Giá Hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong Hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá Hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;1.8. "Dịch vụ phi tư vấn" bao gồm một hoặc một số hoạt động: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, lắp đặt, nghiệm thu chạy thử, tổ chức đào tạo, bảo trì, bảo dưỡng, vẽ bản đồ và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Đầu thầu;1.9. "Hoàn thành" là việc Bên B hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;1.10. "Địa điểm cung cấp dịch vụ" là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;1.11. "Bên" là Bên A hoặc Bên B, tùy từng trường hợp.1.12. "Thời gian thực hiện Hợp đồng" được tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký.
2. Tài liệu Hợp đồng và thứ tự ưu tiên	<ol style="list-style-type: none">2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:<ol style="list-style-type: none">a. Hợp đồng, kèm theo các Phụ lục Hợp đồng;b. Biên bản hoán thiện Hợp đồng;c. Thư chấp thuận HSDT và trao Hợp đồng;d. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;e. E-ĐKCT;f. E-ĐKC;g. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Bên B;h. HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có);

	i. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT .
3. Luật và ngôn ngữ	3.1. Luật điều chỉnh Hợp đồng là luật Việt Nam; 3.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT . Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
5. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng	5.1. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng được áp dụng theo hình thức quy định tại E-ĐKCT . Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên A không muộn hơn thời gian quy định tại E-ĐKCT . 5.2. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT . 5.3. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ Hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT . 5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT .
6. Ký Hợp đồng thầu phụ	6.1. Bên B được ký kết Hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Bên B. Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Bên A, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong Hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của Bên B trong thực hiện Hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của Bên B. 6.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 6.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá Hợp đồng quy định tại E-ĐKCT . 6.3. Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Bên B và nhà thầu phụ. Bên B không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT. 6.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT .
7. Phạm vi cung	Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định tại Phụ biếu 01 kèm theo Hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này, bao gồm các

cấp	loại dịch vụ mà Bên B phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.
8. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn	Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 10 Chương IV E-HSDT.
9. Trách nhiệm của Bên B	Bên B phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 E-ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 8 E-ĐKC .
10. Loại hợp đồng và giá Hợp đồng	<p>10.1. Loại Hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>10.2. Giá Hợp đồng được ghi tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá Hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.</p>
11. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
12. Tạm ứng	<p>12.1. Bên A phải cấp cho Bên B khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Bên B nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Bên B hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>12.2. Bên B chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Bên B phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Bên A.</p>
13. Thanh toán	<p>13.1. Yêu cầu thanh toán của Bên B phải được gửi cho Bên A bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định trong Hợp đồng. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>13.2. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>13.3. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>
14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến Hợp đồng	14.1. Bên A và Bên B phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến Hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt Hợp đồng. Bên B có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Bên A cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo Hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam

— 2 —

Althay — — —

	<p>kết với Bên B về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>14.2. Bên A không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên B cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến Hợp đồng. Bên B không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên A cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>14.3. Nghĩa vụ của Bên A và Bên B quy định tại Mục 14.1 E-ĐKC và Mục 14.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông tin mà Bên A hoặc Bên B cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Bên A hoặc Bên B; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. <p>14.4. Các quy định tại Mục 14 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký Hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.</p> <p>14.5. Các quy định tại Mục 14 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt Hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
15. Phạt và Bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT .
16. Bất khả kháng	<p>16.1. Bên B không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt Hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện Hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng.</p> <p>16.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) Đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này. (b) Phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. <p>16.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. Về cơ bản, mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến quá trình sửa chữa có thể lường trước được, vì vậy dịch bệnh Covid-19</p>

	<p>không được coi là bất khả kháng.</p> <p>16.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>16.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
17. Sửa đổi Hợp đồng	<p>17.1 Việc điều chỉnh Hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong Hợp đồng; b) Thay đổi thời gian thực hiện Hợp đồng; c) Các nội dung khác quy định tại E-ĐKCT. <p>17.2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi Hợp đồng trong trường hợp sửa đổi Hợp đồng.</p> <p>17.3. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo Hợp đồng đã ký kết. b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Bên A. c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện Hợp đồng. <p>17.4. Bên A có thể chấp thuận đề xuất của Bên B nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ; b) Giảm giá Hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Bên A; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Bên A. <p>Trường hợp đề xuất của Bên B được Bên A chấp thuận và làm giảm giá Hợp đồng, Bên A thanh toán cho Bên B theo tỷ lệ quy định tại E-ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá Hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Bên B được Bên A chấp thuận và làm tăng giá Hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Bên A thanh toán cho Bên B theo phần giá trị</p>

	tăng giá Hợp đồng.
18. Điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng	<p>Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Bên B trong việc thực hiện Hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia Hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ Hợp đồng; c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện Hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Bên A; d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong Hợp đồng, tạm dừng Hợp đồng do lỗi của Bên A ảnh hưởng đến tiến độ Hợp đồng mà không do lỗi của Bên B; e) Các trường hợp khác quy định tại E-ĐKCT. <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện Hợp đồng thì Bên A và Bên B thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì Bên A và Bên B chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.</p>
19. Chấm dứt Hợp đồng	<p>19.1. Chấm dứt Hợp đồng do sai phạm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Bên A có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm Hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B về sai phạm trong Hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> (i) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn; (ii) Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo Hợp đồng; (iii) Bên B bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản; (iv) Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật Đầu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; b) Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo điểm a Mục 19.1 E-ĐKC, Bên A có thể ký Hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần Hợp đồng do mình thực hiện.

	<p>c) Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu Bên A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Bên B theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Mục 22 E-ĐKC về việc này trong vòng chín mươi (90) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B về việc quá hạn thanh toán. - Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới chín mươi (90) ngày, Bên B không thể thực hiện được Hợp đồng. <p>19.2. Chấm dứt Hợp đồng do mất khả năng thanh toán:</p> <p>Trường hợp Bên B phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Bên B. Trong trường hợp đó, Hợp đồng sẽ chấm dứt và Bên B không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt Hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên A trước đó hoặc sau đó.</p>
20. Phát hiện và khắc phục sai sót	<p>20.1. Bên A thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại E-ĐKCT. Bên A có thể hướng dẫn Bên B tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Bên A cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>20.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Bên B thực hiện Hợp đồng, trước khi kết thúc Hợp đồng, Bên A thông báo cho Bên B về các sai sót cần khắc phục.</p> <p>Khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Bên A quy định trong thông báo. Trường hợp Bên B không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Bên A sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Bên B thanh toán, đồng thời phạt thực hiện Hợp đồng đối với Bên B như quy định tại Mục 15 E-ĐKC.</p>
21. Nhân sự	<p>21.1. Bên B phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong E-HSDT để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Bên A có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Bên B phải báo cáo và được sự chấp thuận của Bên A. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>21.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Bên A có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, Bên B phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu.</p>
22. Giải quyết tranh chấp	<p>22.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải</p>

trong thời gian quy định tại **E-ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại **E-ĐKCT**.

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

12

A. H. Hay

	<p>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Kể từ ngày Bên B nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên A đến ngày 31/12/2024 hoặc ngày Bên B hoàn thành các nội dung công việc theo Hợp đồng, nghiệm thu bàn giao, chuyển sang nghĩa vụ bảo hành, tuỳ theo điều kiện nào đến trước.</p> <p>Trường hợp trước khi bảo đảm Hợp đồng hết hiệu lực 03 ngày mà các nội dung công việc theo Hợp đồng chưa được hoàn thiện, nghiệm thu bàn giao, chuyển sang nghĩa vụ bảo hành thì Bên B phải gia hạn thời gian hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho đến khi kết thúc, nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.</p>
E-ĐKC 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Bên A sẽ tước thu toàn bộ giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Từ chối thực hiện Hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực; + Vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng; + Thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng; + Trường hợp do lỗi của mình, không được Bên A chấp thuận gia hạn, Bên B chậm tiến độ quá 15 ngày theo tiến độ quy định tại Mục 8 E-ĐKCT của Hợp đồng; + Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của Hợp đồng. + Trường hợp Bên B thực hiện gói thầu vi phạm về Hợp đồng, không có đủ năng lực thực hiện Hợp đồng làm ảnh hưởng tới tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu (theo khoản 23, điều 131, Nghị định 24/2024/NĐ-CP). - Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A để bồi thường cho các tổn thất phát sinh do Bên B gây ra cho Bên A do không hoàn thành các nghĩa vụ Hợp đồng.
E-ĐKC 5.4	Bên A sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện Hợp đồng hoặc xác nhận cho Bên B để giải tỏa bảo đảm thực hiện Hợp đồng ngay sau khi hoặc không chậm hơn 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành các công việc theo Hợp đồng, nghiệm thu bàn giao, chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 6.1	Danh sách Nhà thầu phụ: Không có
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá Hợp đồng
E-ĐKC 6.4	Các yêu cầu khác về Nhà thầu phụ: Không có
E-ĐKC 10.1	Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
E-ĐKC 10.2	<p>Giá trị Hợp đồng là: 352.701.314 đồng (<i>Bằng chữ: Ba trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm linh một nghìn, ba trăm mươi bốn đồng</i>).</p> <p>Chi tiết cấu thành giá trị Hợp đồng như Phụ biếu kèm theo Hợp đồng.</p>
E-ĐKC 11	Được phép áp dụng điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng,

	<p>trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong Hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong Hợp đồng.</p> <p>Giá trị Hợp đồng nêu tại Mục 10.2 E-ĐKC đã bao gồm thuế GTGT 10% (là mức thuế tại thời điểm đầu thầu). Khi nghiệm thu, thanh toán, thuế GTGT đối với nội dung các công việc thực hiện ở thời điểm nào thì sẽ áp dụng mức thuế suất theo quy định của Nhà nước tại thời điểm nghiệm thu hoàn thành công việc đó mà không phải ký Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh.</p>
E-ĐKC 12.1	Không tạm ứng.
E-ĐKC 13.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị thanh toán được xác định dựa trên khối lượng nghiệm thu theo thực tế thực hiện (dựa vào chứng nhận chế tác của hãng phải thể hiện rõ khối lượng chén nung, khuôn được nấu chảy ban đầu; khối lượng kim loại (bạch kim, vàng) tận thu từ nấu chảy chén, khuôn ban đầu; khối lượng kim loại (bạch kim, vàng) bù thêm hoặc dôi dư (nếu có); khối lượng chén, khuôn sau sửa chữa, chế tác) và đơn giá theo Hợp đồng. Riêng đơn giá với khối lượng Bạch kim (Platinum) và khối lượng Vàng (Au) phải bù thêm hoặc dôi dư (nếu có) trong quá trình sửa chữa được hai bên thống nhất xác định trên cơ sở theo thông báo giá Pt/Au tại sàn giao dịch Tỷ giá bạch kim (platinum) quy đổi được áp dụng tại thời điểm sửa chữa của nhà sản xuất theo giá tại trang Web: https://www.thitruonghanghoa.com/gia-hang-hoa/gia-vang-the-gioi và https://www.thitruonghanghoa.com/gia-hang-hoa/gia-bach-kim-the-gioi - Quy đổi đơn vị tính: 01 lượng = 31,1034768 gam. - Thời điểm xác định đơn giá được thống nhất khi bắt đầu thực hiện chế tác chén nung, khuôn tạo mẫu trên cơ sở phiếu phân tích của hãng hoặc thời điểm phù hợp được hai bên thống nhất. - Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị hoàn thành theo Hợp đồng sau khi đã khấu trừ tiền tạm ứng và các khoản khấu trừ khác (nếu có) trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp lệ. <p><i>Hồ sơ thanh toán bao gồm nhưng không giới hạn các chứng từ sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành; (ii) Giấy đề nghị thanh toán; (iii) Hóa đơn, chứng từ hợp lệ; (iv) Biên bản Quyết toán và thanh lý Hợp đồng. <p>- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.</p>
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: Áp dụng trong trường hợp Bên B không thực hiện đầy đủ Phạm vi cung cấp theo quy định tại Mục 7 E-ĐKC hoặc các trường hợp

	khác do hai bên thỏa thuận.
E-ĐKC 15	<ul style="list-style-type: none"> - Mức bồi thường thiệt hại: Trường hợp Bên B thực hiện chậm trễ không đảm bảo tiến độ Hợp đồng mà không phải ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng hoặc lỗi của Bên A gây ra hoặc Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong Hợp đồng thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A do việc chậm tiến độ gây ra với mức phạt tương ứng 01% giá trị phần Hợp đồng trước thuế bị vi phạm cho mỗi ngày chậm và không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng trước thuế bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC. - Trường hợp Bên B làm hư hỏng chén nung, khuôn tạo mẫu của Bên A mà không sửa chữa khắc phục được và/hoặc làm mất chén nung của Bên A thì Bên B có trách nhiệm bồi hoàn cho Bên A chén nung, khuôn tạo mẫu mới đúng quy cách, chủng loại/nguồn gốc, xuất xứ như thiết bị ban đầu của Bên A hoặc bồi hoàn giá trị bằng giá trị chén nung, khuôn tạo mẫu tương đương của Bên A. - Trường hợp, trong thời gian quy định tại Mục 15.1 E-ĐKC mà Bên A vẫn không thanh toán cho Bên B thì Bên A sẽ phải chịu chi trả khoản tiền lãi úng với số ngày thanh toán chậm theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán.
E-ĐKC 17.1(c)	Trường hợp khi giải thể thiết bị trước khi sửa chữa, nếu có sự thay đổi về phạm vi công việc, khối lượng thực hiện so với Hợp đồng.
E-ĐKC 17.4	50% đối với phần giá trị giảm giá Hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Không có.
E-ĐKC 20.1	<ul style="list-style-type: none"> - Bên A thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn của Bên B trên cơ sở kết quả tiến độ và chất lượng thực hiện các nội dung công việc của Bên B. - Bên A cần thông báo cho Bên B về những hư hỏng liên quan tới công trình/hạng mục do lỗi của Bên B gây ra. Bên B có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của Bên B trong khoảng thời gian được Bên A quy định. Thời hạn khắc phục sai sót chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B về các sai sót. - Trường hợp Bên B không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được Bên A quy định, Bên A có thể thuê tổ chức khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Bên B sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.
E-ĐKC 21.2	Thời gian Bên B thực hiện việc thay thế nhân sự: Tối đa 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A.
E-ĐKC 22.2	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian tiến hành hòa giải: 30 ngày. - Cơ chế giải quyết tranh chấp: theo quyết định của Tòa án có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 452/2024/HĐ-LDA

Về việc Sửa chữa chén nung bạch kim phục vụ phân tích mẫu

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/06/2005;

Căn cứ Quyết định số 2037/QĐ-LDA ngày 20/8/2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện Gói thầu: Sửa chữa chén nung bạch kim phục vụ phân tích mẫu;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện Hợp đồng thực hiện gói thầu: Sửa chữa chén nung bạch kim phục vụ phân tích mẫu ngày 22/8/2024;

Căn cứ nhu cầu và năng lực kinh nghiệm của hai bên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, đại diện cho các bên ký Hợp đồng, gồm có:

1. Bên A: Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV

- Địa chỉ : Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Điện thoại : 02633.961682 Fax: 02633.961680
- Mã số thuế : 5800939133
- Tài khoản : 119000065124 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bảo Lộc - Phòng giao dịch Bảo Lâm.
- Đại diện : Ông Nguyễn Văn Phòng Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Minh Khang

- Địa chỉ : Tầng 1 (tầng trệt – khu văn phòng) cao ốc Phú Nhuận – số 20 Hoàng Minh Giám - Phường 9 - Quận Phú Nhuận - TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 0283.9952181-82 Fax: 0283.9952183
- Mã số thuế : 0304708309
- Tài khoản : 191 3293 0716 019 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt nam (Techcombank) – Chi nhánh Chợ Lớn.
- Đại diện : Ông Chung Đức Lộc Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng và yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Đối tượng Hợp đồng:

1.1.1. Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện Sửa chữa chén nung bạch kim phục vụ phân tích mẫu với nội dung và khối lượng công việc chi tiết như Phụ biếu

kèm theo Hợp đồng.

1.1.2. Khối lượng công việc nêu trên là dự kiến, tương ứng với tiên lượng khối lượng các công việc cần thực hiện mà Bên A đưa ra khi chào hàng cạnh tranh qua mạng. Tùy tình hình thực tế, trong quá trình triển khai, khối lượng trên có thể thay đổi tăng hoặc giảm.

1.2. Yêu cầu kỹ thuật:

1.2.1. Bên B phải bố trí nhân lực, thiết bị thực hiện Sửa chữa chén nung bạch kim phục vụ phân tích mẫu theo yêu cầu kỹ thuật trong E-HSYC và phương án được phê duyệt đảm bảo chất lượng, an toàn và cung cấp các giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ của chén nung và khuôn mẫu sau sửa chữa.

1.2.2. Các chén nung, khuôn tạo mẫu phải được hãng XRF Scientific thực hiện theo tiêu chuẩn của hãng, có kích thước đảm bảo theo yêu cầu của Bên A đưa ra gồm:

1.2.2.1. Chén nung 95% bạch kim + 5 % vàng theo tiêu chuẩn chén nung DC1 của hãng XRF Scientific (03 cái): khối lượng ~ 30g/cái; lượng Pt cần dùng ~ 85,5g; lượng Au cần dùng ~ 4,5g.

1.2.2.2. Khuôn tạo mẫu 95% bạch kim + 5 % vàng theo tiêu chuẩn khuôn tạo mẫu DM1 của hãng XRF Scientific (05 cái): khối lượng ~ 60g/ cái; lượng Pt cần dùng ~ 285g; lượng Au cần dùng ~ 15g.

1.2.2.3. Chén nung 99,95% bạch kim theo tiêu chuẩn Ti 1/10 hãng Heraeus (hoặc tương đương) (04 cái). Trọng lượng ~36g/cái, Đường kính miệng chén: 45mm, Đường kính đáy: 27mm, Chiều cao: 48mm, Độ dày đáy: 0,34mm, Độ tinh khiết ≥99,95%, Lượng Platinum dự kiến cần dùng ~144g.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng:

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- 2.1. Hợp đồng;
- 2.2. Biên bản hoàn thiện Hợp đồng;
- 2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- 2.4. E-ĐKCT của Hợp đồng;
- 2.5. E-ĐKC của Hợp đồng;
- 2.6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- 2.7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
- 2.8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A:

3.1. Khi có kế hoạch cụ thể, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B về thời gian bắt đầu triển khai và tiến độ thực hiện để Bên B chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, thiết bị triển khai thực hiện.

3.2. Bên A có trách nhiệm bàn giao hàng hóa theo hiện trạng và khối lượng được xác định thực tế tại phòng thí nghiệm của Bên A trong vòng 02 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng, bảo lãnh giao nhận hàng của Bên B, đồng thời cung cấp đầy đủ các chứng từ cần thiết để Bên B làm thủ tục tạm xuất - tái nhập theo quy định.

3.3. Xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện trên cơ sở kiến nghị của Bên B, Bên A có thể đưa ra cho Bên B bất kỳ lúc nào trong thời gian thực hiện Hợp đồng các chỉ dẫn hoặc sửa đổi cần thiết cho việc sửa chữa chén nung. Bên A sẽ giải quyết các vấn đề về phát sinh công việc (tăng hoặc giảm khối lượng và thời gian thực hiện), kiến nghị kịp thời với Bên B về những sai lệch của Bên B (nếu có).

3.4. Trường hợp chất lượng công việc do Bên B thực hiện không đạt các yêu cầu quy định của Hợp đồng thì Bên A có quyền không nghiệm thu và có quyền yêu cầu Bên B phải làm lại cho đúng chất lượng.

3.5. Bên A hoàn toàn có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không chịu bất kỳ đền bù các tổn thất do chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

3.5.1. Trong vòng 03 ngày từ thời điểm Bên B nhận được thông báo của Bên A nhưng Bên B chưa tập kết đầy đủ nhân lực, thiết bị theo E-HSDT để triển khai thi công;

3.5.2. Trường hợp Bên B thực hiện gói thầu vi phạm về Hợp đồng, không có đủ năng lực thực hiện Hợp đồng làm ảnh hưởng tới tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu (theo khoản 23, điều 131, Nghị định 24/2024/NĐ-CP).

3.6. Bên A chỉ chấp nhận nghiệm thu, thanh quyết toán cho Bên B các hạng mục hoàn thành đảm bảo đáp ứng các yêu cầu theo Hợp đồng.

3.7. Tổ chức nghiệm thu hoàn thành công việc và thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng.

3.8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B:

4.1. Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của Hợp đồng.

4.2. Chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục tạm nhập xuất - tái nhập hàng hóa đúng chủng loại/quy cách theo giao nhận và theo Hợp đồng để gửi đến nhà sản xuất, sửa chữa, tái chế theo tiêu chuẩn DM1/DC1 của hãng XRF Scientific và tiêu chuẩn Ti 1/10 của hãng Heraeus (hoặc tương đương).

4.3. Trường hợp chất lượng công việc do Bên B thực hiện không đạt các yêu cầu quy định của Hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng chất lượng và phải chịu mọi chi phí làm lại.

4.4. Các giấy chứng nhận của hãng là ngôn ngữ nước ngoài cần phải được dịch thuật thành tiếng Việt.

4.5. Bàn giao đúng thời hạn tại địa điểm mà hai bên thống nhất trong nội dung Hợp đồng (có biên bản bàn giao được hai bên xác nhận, đóng dấu). Chịu trách nhiệm hoàn toàn về số lượng và chất lượng vật tư hàng hóa cho đến khi bàn giao, kiểm tra; khối lượng kim loại (bạch kim) trước tái chế, khối lượng kim loại bù thêm, khối lượng kim loại sau tái chế phải chính xác, tin cậy.

4.6. Khi bàn giao chén sau sửa chữa, Bên B phải cung cấp đầy đủ chứng nhận chế tác, chứng nhận chất lượng từ hãng XRF Scientific và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc xuất xứ hàng hóa. Cung cấp các giấy tờ liên quan đến hàng hóa cho Bên A gồm: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa từ hãng chế tác sau khi sửa chữa. Trong chứng nhận phải thể hiện rõ khối lượng chén nung, khuôn được nấu chảy ban đầu; khối lượng kim loại (bạch kim, vàng) tận thu từ nấu chảy chén, khuôn ban đầu; khối lượng kim loại (bạch kim, vàng) bù thêm hoặc dôi dư (nếu có); khối lượng chén, khuôn sau sửa chữa, chế tác.

4.7. Cung cấp giấy Bảo hành và có trách nhiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến hàng hóa trong thời gian bảo hành.

4.8. Đảm bảo các nội dung thông tin về Tên, địa chỉ, mã số thuế, tài khoản liên quan đến tư cách pháp nhân của Bên B đã được đăng ký theo quy định của Pháp luật; Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế liên quan đến Hợp đồng này theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4.9. Bên B sẽ phải lập đầy đủ các hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật, hồ sơ thanh quyết toán theo đúng quy định của Hợp đồng để trình cho Bên A xem xét nghiệm thu, thanh toán.

4.10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng.

Điều 5. Giá Hợp đồng và phương thức thanh toán:

5.1. Giá Hợp đồng:

Tổng giá trị Hợp đồng là: **352.701.314 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm linh một nghìn, ba trăm mươi bốn đồng).

5.1.1. Chi tiết cấu thành giá trị Hợp đồng như Phụ biếu kèm theo Hợp đồng.

5.1.2. Giá trị Hợp đồng là giá trúng thầu được phê duyệt tại Quyết định số 2037/QĐ-LDA ngày 20/8/2024, tương ứng với tiên lượng khối lượng các công việc cần thực hiện mà Bên A đưa ra khi tổ chức mời thầu. Trường hợp khi sửa chữa chén nung, hai bên cùng khảo sát đánh giá, xét thấy nội dung, khối lượng công việc cần thực hiện khác so với Hợp đồng, hai bên sẽ tiến hành thương thảo, chuẩn xác lại nội dung, giá trị Hợp đồng bằng Phụ lục.

5.1.3. Giá trị Hợp đồng bao gồm tất cả các chi phí để thực hiện toàn bộ các nội dung công việc nêu tại **Điều 1** của Hợp đồng, phí, lợi nhuận và các khoản thuế theo đúng quy định của pháp luật.

5.2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong điều kiện cụ thể của Hợp đồng theo quy định tại **Mục 13.1 E.ĐKCT**.

Điều 6. Loại Hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện Hợp đồng:

7.1. Ngoại trừ trường hợp được coi là bất khả kháng được nêu tại Mục 18 E-ĐKC, Bên B phải có các giải pháp xử lý phù hợp trong mọi tình huống đảm bảo tổng thời gian thực hiện toàn bộ các nội dung công việc từ khi Hợp đồng có hiệu lực và từ khi Bên A bàn giao chén nung, khuôn tạo mẫu cho Bên B cho đến khi Bên A nhận lại chén nung và nghiệm thu khối lượng hoàn thành tối đa là 60 ngày (bao gồm ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ trong tuần).

7.2. Địa điểm giao nhận hàng hóa: Tại Phòng QLCL - Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng. Biên bản bàn giao thể hiện rõ số lượng, khối lượng chủng loại chén trước khi sửa chữa, chế tác.

Điều 8. Bảo hành sau sửa chữa:

8.1. Thời hạn bảo hành: là 03 tháng/chén nung/khuôn tạo mẫu được tính từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao. Thời hạn bảo hành sau sửa chữa phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của Bên B.

8.2. Yêu cầu về bảo đảm bảo hành:

8.2.1. Khoản tiền bảo hành có giá trị bằng năm phần trăm (5%) phần giá trị của công việc do Bên B thực hiện được nghiệm thu.

8.2.2. Tiền bảo hành (tạm giữ lại) sẽ được Bên A trừ trực tiếp trong đợt thanh toán Hợp đồng. Khoản tiền bảo hành tạm giữ lại sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B sau khi kết thúc thời gian bảo hành và được Bên A xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

8.3. Hồ sơ thanh toán bảo hành bao gồm:

- a. Giấy đề nghị thanh toán tiền bảo hành;
- b. Biên bản xác nhận hết thời hạn bảo hành công trình;
- c. Biên bản quyết toán và thanh lý Hợp đồng (bản photo);
- d. Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành và đưa vào sử dụng (bản photo).
- e. Hợp đồng (bản photo).

8.4. Trong thời gian bảo hành khi chén nung/khuôn tạo mẫu có hư hỏng hoặc do lỗi của Bên B gây ra thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 02 ngày (Kể từ khi có thông báo của Bên A, thông báo sẽ được gửi trực tiếp tới Bên B qua thư điện tử/liên hệ trực tiếp/gửi công văn tới Bên B) phải bố trí nhân lực kiểm tra, sửa chữa ngay cho Bên A bằng chi phí của bên B (yêu cầu việc khắc phục phải được thực hiện xong trong khoảng thời gian theo quy định của bên A) để đảm bảo đáp ứng sản xuất của Bên A.

8.5. Trường hợp Bên B không khắc phục sai sót hoặc việc khắc phục sai sót kéo dài, không đảm bảo trong khoảng thời gian được quy định tại khoản 8.4 Điều này, gây ra những thiệt hại khác cho Bên A thì Bên A sẽ:

8.5.1. Tước thu tiền bảo hành;

8.5.2. Thuê đơn vị thứ 3 thực hiện sửa chữa và Bên B phải chịu 100% chi phí khắc phục;

8.5.3. Ngoài ra, Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do chất lượng sửa chữa của Bên B không đạt yêu cầu với giá trị 100% giá trị thiệt hại (nếu có).

Điều 9. Tạm ngừng thực hiện Hợp đồng:

9.1. Các trường hợp tạm ngừng Hợp đồng:

9.1.1. Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;

9.1.2. Các trường hợp bất khả kháng;

9.1.3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp Bên A thấy tình hình sửa chữa của Bên B có nguy cơ không đạt về tiến độ, chất lượng và Bên B không có giải pháp khắc phục, hai bên sẽ làm việc (bằng biên bản), Bên A có quyền đình chỉ và thay thế đơn vị thực hiện bằng cách giao cho đơn vị thuê ngoài khác nhằm đảm bảo yêu cầu chất lượng, tiến độ, đáp ứng yêu cầu vận hành chung của nhà máy;

9.1.4. Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận.

9.2. Một bên có quyền tạm ngừng Hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra nhưng phải thông báo cho bên kia bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bên tạm ngừng không thông báo mà tạm ngừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm ngừng Hợp đồng được hai bên thỏa thuận.

9.3. Tạm ngừng quá lâu: Trường hợp quá 15 ngày mà các Bên không thể thống nhất được với nhau về các điều kiện để tiếp tục thực hiện Hợp đồng thì bất kỳ bên nào cũng sẽ có quyền chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại **Mục 19 E.ĐKC**.

Điều 10. Hiệu lực Hợp đồng:

10.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và từ ngày Bên A nhận được Bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Bên B.

10.2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý theo luật định.

10.3. Hợp đồng được lập thành 05 bản, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản, các bản Hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Phòng

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Chung Đức Lộc

PHỤ BIÊU: NỘI DUNG, KHÓI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Về việc Sửa chữa chén nung bạch kim phục vụ phân tích mẫu

(Kèm theo Hợp đồng số 452/2024/HĐ-LDA ký ngày 30/8/2024)

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Nấu chảy chén nung, khuôn tạo mẫu	Gram	524,710	153.636	80.614.346
2	Sửa chữa, chế tạo chén nung 95% bạch kim + 5 % vàng theo tiêu chuẩn chén nung DC1 của hãng XRF Scientific (03 cái): khối lượng ~ 30g/cái; lượng Pt cần dùng ~ 85,5g; lượng Au cần dùng ~ 4,5g	Cái	3,000	20.984.200	62.952.600
3	Sửa chữa, chế tạo Khuôn tạo mẫu 95% bạch kim + 5 % vàng theo tiêu chuẩn khuôn tạo mẫu DM1 của hãng XRF Scientific (05 cái): khối lượng ~ 60g/ cái; lượng Pt cần dùng ~ 285g; lượng Au cần dùng ~ 15g	Cái	5,000	20.633.000	103.165.000
4	Sửa chữa, chế tạo chén nung 99,95% bạch kim theo tiêu chuẩn Ti 1/10 hãng Heraeus (hoặc tương đương) (04 cái). Trọng lượng ~36g/cái, Đường kính miệng chén: 45mm, Đường kính đáy: 27mm, Chiều cao: 48mm, Độ dày đáy: 0,34mm, Độ tinh khiết ≥99,95%, Lượng Platinum dự kiến cần dùng ~144g	Cái	4,000	13.960.200	55.840.800
5	Platinum bù thêm	Gram	22,130	771.971	17.083.719
6	Vàng bù thêm	Gram	0,500	1.962.185	981.093
Tổng cộng giá trị trước thuế					320.637.558
Thuế GTGT 10%					32.063.756
Tổng cộng giá trị sau thuế					352.701.314